

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN&PTNT-QLXDCT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760÷K33+500 huyện Nông Cống.

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Tờ trình số 237/TTr-BQLDA ngày 05/9/2023 của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nông Cống (Chủ đầu tư) về việc đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống (kèm theo hồ sơ);

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND dân tỉnh về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống;

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống, với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;
 - Loại, cấp công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và PTNT, cấp IV.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nông Cống.
5. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận các xã Hoàng Giang và Tế Nông, huyện Nông Cống.
6. Giá trị tổng mức đầu tư do chủ đầu tư trình: 59.000.000.000 đồng.
7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh 27 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Nông Cống và các nguồn huy động hợp pháp khác 32 tỷ đồng.
8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2024 ÷ 2026.
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
- Tuyến tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;
 - TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
 - TCVN 8213:2009 Tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thủy lợi phục vụ tưới, tiêu;
 - TCVN 4253:2012 Nền công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 8421:2010 Tải trọng và lực tác dụng lên công trình thủy lợi;
 - TCVN 8218:2009 Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;
 - TCVN 4116:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;
 - TCVN 8422:2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
 - TCVN 9162:2012 Công trình TL - Đường thi công - Yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 9165:2012 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;
 - TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 9902:2016 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;
 - TCVN 13615:2022: Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.
 - Quyết định số 606/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về phân loại, phân cấp các tuyến đê trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (hợp phần sông Yên, sông Bạng);

- Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về quy hoạch đề điều các tuyến sông có đề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (hợp phần sông Yên, sông Bạng);

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

10. Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng.

11. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát.

12. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 1,76 ha.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

- Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống;

- Quyết định số 4662/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống;

- Công văn số 2607/UBND-NN ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc mua đất đắp phục vụ dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500, huyện Nông Cống;

- Công văn số 8962/SKHĐT-THQH ngày 26/12/2022 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Thanh Hóa;

- Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND huyện Nông Cống về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 ÷ 2025 huyện Nông Cống;

- Các Quyết định của Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nông Cống về dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500

huyện Nông Cống: số 303/QĐ-BQLDA ngày 07/9/2022 về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; số 460/QĐ-BQLDA ngày 15/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; số 467/QĐ-BQLDA ngày 22/12/2022 về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 01; số 470/QĐ-BQLDA ngày 23/12/2022 về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 02; số 492/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 05; số 495/QĐ-BQLDA ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 06;

- Tờ trình số 237/TTr-BQLDA ngày 05/9/2023 của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nông Cống (Chủ đầu tư) về việc đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi: Báo cáo chính; Báo cáo tóm tắt; Thuyết minh thiết kế cơ sở; Phụ lục tính toán; Thuyết minh tính toán thủy văn; Chiết tính khối lượng; Tổng mức đầu tư; Tập hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở.

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án:

+ Địa hình: Báo cáo kết quả khảo sát địa hình; Các tập bản vẽ bình đồ, cắt dọc ngang;

+ Địa chất: Báo cáo kết quả khảo sát địa chất; Tập tài liệu gốc hình trụ hồ khoan - kết quả thí nghiệm; Các tập bản vẽ bình đồ vị trí hố khoan, mặt cắt địa chất công trình.

3. Hồ sơ năng lực nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Năng lực đơn vị: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số THH-00001549 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 01/6/2017, được bổ sung ngày 19/9/2018; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định còn hiệu lực. Lĩnh vực hoạt động xây dựng của công ty phù hợp với nội dung, quy mô của dự án.

b) Năng lực của các cá nhân tham gia lập dự án:

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Nguyễn Văn Dũng, chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình số THH-00007962 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 06/5/2021; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Phạm Văn Thực, chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất số THH-00013377 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 24/10/2022; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ nhiệm dự án: Phùng Xuân Hoàng, chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình nông nghiệp và PTNT số THH-00075471 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 23/10/2019; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ trì lập tổng mức đầu tư: Lê Minh Dũng, chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng số THH-00156188 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 24/10/2022;

đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực.

4. Hồ sơ năng lực nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Năng lực đơn vị: Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00011549 do Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/6/2023; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định còn hiệu lực. Lĩnh vực hoạt động xây dựng của công ty phù hợp với nội dung, quy mô của dự án.

b) Năng lực của các cá nhân tham gia thẩm tra:

- Chủ nhiệm thẩm tra dự án: Trần Chí Thanh, chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình nông nghiệp và PTNT số HNT-00119927 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 04/6/2021; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

- Chủ nhiệm thẩm tra tổng mức: Nguyễn Thị Hà, chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng số THH-00077896 do Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp ngày 12/11/2019; đến ngày nộp hồ sơ trình thẩm định chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực;

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Nội dung cơ bản của hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống được gửi kèm theo Tờ trình số 237/TTr-BQLDA ngày 05/9/2023 của chủ đầu tư như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Phục vụ công tác phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân huyện Nông Cống trong mùa mưa bão; đồng thời hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông của khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

2. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

2.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp IV;
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ: P = 10 %;
- Mức bảo đảm tiêu: P = 10 %;
- Hệ số an toàn ổn định của mái đê:
- + Tổ hợp tải trọng cơ bản [K] ≥ 1,20;
- + Tổ hợp tải trọng đặc biệt [K] ≥ 1,10;

2.2. Các thông số kỹ thuật chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
1	Tuyến đê		
-	Lý trình tuyến đê	m	K28+763,41 ÷ K33+500
-	Chiều dài tuyến đê thiết kế	m	4.736,59

TT	Hạng mục	Đơn vị	Trị số
-	Cao độ đỉnh đê thiết kế	m	$(+3.70) \div (+4.70)$
-	Cao độ đỉnh tường chắn sóng thiết kế	m	+ 4.50
-	Chiều rộng mặt đê thiết kế	m	6,0
-	Chiều rộng mặt đê gia cố	m	$4,95 \div 5,0$
-	Hệ số mái đê phía sông, phía đồng		$m = 2,0$
2	Cống dưới đê		
2.1	Làm mới 11 cống qua đê		
-	Cống tại K29+139.52	cm	$(B \times H) = (140 \times 160)$
-	Cống tại K29+488.36	cm	$\Phi 60$
-	Cống tại K29+799.04	cm	$\Phi 60$
-	Cống tại K29+909.65	cm	$(B \times H) = (100 \times 120)$
-	Cống tại K30+082.08	cm	$(B \times H) = (100 \times 120)$
-	Cống tại K30+251.09	cm	$\Phi 60$
-	Cống tại K30+423.98	cm	$(B \times H) = (100 \times 120)$
-	Cống tại K30+798.16	cm	$(B \times H) = (140 \times 160)$
-	Cống tại K32+108.92	cm	$(B \times H) = (100 \times 120)$
-	Cống tại K32+324.38	cm	$(B \times H) = (100 \times 120)$
-	Cống tại K32+705.75	cm	$(B \times H) = (100 \times 120)$
2.2	Nối dài 03 cống qua đê		
-	Cống tại K31+351.48	cm	$(B \times H) = (125 \times 140)$
-	Cống tại K31+958.36	cm	$2 \times (B \times H) = (140 \times 150)$
-	Cống tại K33+084.67	cm	$2 \times (B \times H) = (140 \times 170)$
3	Xây dựng dốc lên, xuống đê	cái	35

2.2. Nội dung đầu tư:

Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 đến K33+500 huyện Nông Công với chiều dài 4.736,59 m đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế chống lũ với tần suất $P = 10\%$ và đảm bảo giao thông đi lại phục vụ sản xuất; cống qua đê: làm mới 11 cống và sửa chữa nối dài 03 cống; nâng cấp 35 dốc lên, xuống đê và các vị trí vượt dốc vào ngõ nhà dân.

3. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Tuyến đê:

- Phương án tuyến thiết kế: Cơ bản theo hướng tuyến đê hữu sông Hoàng hiện có; điểm đầu tại K28+763,41 thuộc địa phận xã Hoàng Giang, điểm cuối tại

K33+500 thuộc địa phận xã Tế Nông, huyện Nông Cống; chỉ điều chỉnh cục bộ một số vị trí trên tuyến đảm bảo tuyến đê trơn thuận, phù hợp với hiện trạng và thuận tiện trong quản lý vận hành;

- Thân đê: Thân đê được đắp áp trực và tôn cao (về phía sông hoặc phía đồng theo từng đoạn, đảm bảo tuyến trơn thuận và phù hợp việc thi công bằng cơ giới) theo mặt cắt thiết kế bằng đất đồi đầm lèn đảm bảo độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$. Mái đê phía sông, phía đồng phân đắp mới được trồng cỏ bảo vệ, chống xói lở. Chân đê phía đồng đoạn từ K29+312,90 ÷ K29+799,90 chiều dài $L = 487,0$ m hiện trạng có kênh đất được hoàn trả và gia cố bằng kênh bê tông thường (BTT) M200; kênh có mặt cắt hình chữ nhật, kích thước mặt cắt kênh $(B \times H) = (0,8 \times 0,8)$ m; dọc theo chiều dài tuyến kênh cứ 10 m bố trí một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường, đỉnh tường kênh có thanh giằng bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250 đổ liền khối với bê tông tường kênh. Nền móng đáy kênh được gia cố bằng cọc tre đường kính $\Phi(6 \div 8)$ cm.

- Mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B_{\text{nền}} = 6,0$ m, chiều rộng mặt đê gia cố rộng $B_{\text{gc}} = (4,95 \div 5,0)$ m bằng BTT M250 dày 20 cm; độ dốc ngang từ tim đê: đối với mặt đê đoạn có tường chắn sóng (TCS) độ dốc ngang về phía đồng $i = 1\%$; đối với đoạn đê không có TCS độ dốc ngang về hai phía $i = 2\%$; lề đê rộng $B_{\text{lề}} = 0,5$ m bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$; độ dốc ngang lề $i = 4\%$; gia cố móng mặt đê bằng cấp phối đá dăm (CPĐĐ) loại 2 lu lèn chặt dày 18 cm; riêng đối với đoạn đê từ K28+765,48 ÷ K28+824,08 dài $L = 58,60$ m giữ nguyên bê tông mặt đê hiện trạng, làm sạch bề mặt, đánh xòm tạo nhám trước khi gia cố mặt đê bằng BTT M250; đoạn đê từ K33+138,58 ÷ K33+500 hiện trạng mặt đê đã được gia cố bằng cấp phối đá dăm và cao trình mặt đê đã đảm bảo yêu cầu thiết kế; bù phụ đảm bảo đủ chiều rộng mặt đê thiết kế trước khi gia cố mặt đê bằng BTT M250. Biên mặt đê phía sông đoạn từ K28+763,41 ÷ K33+138,58 bố trí TCS bằng BTCT M250, dọc theo chiều dài TCS cứ 11,8 m bố trí một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường; vượt nổi mặt đê đoạn từ cuối tuyến đê thiết kế về tuyến đê hiện có dài $L = 16,90$ m bằng CPĐĐ loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm.

3.2. Cống qua đê:

- Cống xây dựng mới: Xây dựng mới 11 cống tiêu qua đê thay thế cống cũ đã bị hư hỏng; trong đó: gồm 03 cống tròn và 08 cống hộp. Hình thức cống hộp bằng BTCT M250 và BTT M200; cống tròn bằng ống bê tông ly tâm đặt trên đế móng bằng BTCT M250, sân trước cửa vào và sân sau tiêu năng bằng BTT M200; xung quanh thân cống được đắp đất sét luyến; điều tiết cống bằng cửa van phẳng lắp phía sông, ổ khóa kiểu trục vít vận hành bằng quay tay. Đối với cống hộp nền móng cống, tiêu năng được gia cố bằng cọc BTCT M300, tiết diện cọc $(B \times H) = (25 \times 25)$ cm; bản đáy cửa vào, sân gia cố thượng, hạ lưu, sân sau tiêu năng và nền móng đối với cống tròn được gia cố bằng cọc tre, đường kính cọc $\Phi(6 \div 8)$ cm.

- Cống nổi dài:

+ Đối với cống nổi dài về phía đồng: Nổi dài thân cống theo khẩu diện cống cũ để phù hợp mặt cắt đề thiết kế; làm mới bề tiêu năng, gia cố sau tiêu năng và cửa vào cống. Thân cống phần nổi dài bằng BTCT M250, xung quanh thân cống phần nổi dài được đắp đất sét luyện dày 50 cm; bề tiêu năng bằng BTCT M250, gia cố sau tiêu năng và mái kênh dẫn, mái đề phạm vi cống bằng BTT M200; nền móng thân cống phần nổi dài được gia cố bằng cọc BTCT M300, tiết diện cọc (BxH) =(25x25) cm; nền móng cửa vào, tiêu năng được gia cố bằng cọc tre, đường kính cọc Φ (6÷8) cm.

+ Đối với cống nổi dài về phía sông: Nổi dài thân cống về phía sông theo khẩu diện cống cũ để phù hợp mặt cắt đề thiết kế; làm mới bề tiêu năng, gia cố sau tiêu năng và dàn công tác phía sông. Thân cống phần nổi dài, bề tiêu năng và giàn công tác bằng BTCT M250; xung quanh thân cống phần nổi dài được đắp đất sét luyện dày 50 cm; điều tiết cống bằng cửa van phẳng BTCT M300, đóng mở bằng ổ khóa kiểu trục vít, vận hành bằng quay tay; nền móng thân cống phần nổi dài được gia cố bằng cọc BTCT M300, tiết diện cọc (BxH) =(25x25) cm; nền móng cửa vào, tiêu năng được gia cố bằng cọc tre, đường kính cọc Φ (6÷8) cm.

3.3. Dốc lên, xuống đê và vuốt dốc ngõ vào nhà dân:

- Dốc lên xuống đê: Tổng số 35 dốc (gồm cả phía đồng và phía sông). Thân dốc đắp bằng đất đồi đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$, chiều rộng nền dốc $B = (3,0 \div 5,0)$ m được gia cố bằng BTT M250 rộng $B = (2,0 \div 4,0)$ m dày 18 cm, gia cố nền mặt dốc bằng CPĐD loại 2 lu lèn chặt dày 16 cm;

- Vuốt dốc ngõ vào nhà dân: Các vị trí qua ngõ vào nhà dân được vuốt dốc đảm bảo phù hợp với mặt đề thiết kế, thuận tiện trong giao thông dân sinh. Tổng số 34 vị trí, các vị trí vuốt dốc được gia cố bằng BTT M200.

(Hình thức, kết cấu các hạng mục công trình có hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo).

4. Phương pháp xác định tổng mức đầu tư và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- Phương pháp xác định tổng mức đầu tư: Xác định từ khối lượng xây dựng tính theo thiết kế cơ sở và các yêu cầu cần thiết khác của dự án;

- Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

+ Các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;

+ Các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

+ Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 50/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng; số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp;

+ Quyết định số 4272/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa;

+ Các Quyết định của Sở Xây dựng Thanh Hóa: số 223/QĐ-SXD ngày 11/01/2022 về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 727/QĐ-SXD ngày 26/01/2022 về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

+ Các Công bố giá vật liệu đến hiện trường xây lắp của Liên sở Xây dựng - Tài chính Thanh Hóa: giá quý 2 năm 2023 số 4959/LSXD-TC ngày 27/7/2023; giá tháng 7 và tháng 8 năm 2023 số 6167/LSXD-TC ngày 12/9/2023; giá tháng 4 và tháng 5 năm 2023 số 3808/LSXD-TC ngày 13/6/2023; giá xăng dầu ngày 11/9/2023 của Petrolimex; giá điện theo mức giá bán lẻ điện bình quân tại Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Công thương Quy định về giá bán điện và các báo giá, các thông báo giá do đơn vị Tư vấn thiết kế và chủ đầu tư cung cấp;

+ Các chi phí đã thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư xác định theo các Quyết định của Chủ đầu tư; chi phí giải phóng mặt bằng theo Công văn số 233/CV-QLDA ngày 15/9/2023 của Ban QLDA ĐTXD huyện Nông Cống.

- Một số các văn bản, quy định hiện hành khác.

IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

1. Sở Tài chính tại Công văn số 5425/STC-ĐT ngày 13/9/2023:

Ngày 05/6/2023, Sở Tài chính đã có văn bản số 3133/STC-ĐT về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống; để đảm bảo tính khả thi Sở yêu cầu huyện Nông Cống báo cáo việc rà soát, cân đối nguồn vốn ngân sách huyện, cập nhật cam kết vốn (năm 2024÷2025) cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, tránh nợ đọng xây dựng cơ bản. Về các nội dung khác, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động xem xét trên cơ sở chức năng quản lý xây dựng chuyên ngành và hồ sơ dự án được cung cấp để tổng hợp báo cáo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5891/SKHĐT-KTNN ngày 18/9/2023:

2.1. Về kinh nghiệm, năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, giải pháp tổ chức thực hiện và hình thức thực hiện dự án: Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ vào hồ sơ năng lực của chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống) và ý kiến của Sở Xây dựng để tổng hợp.

2.2. Về chủ trương đầu tư: Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760÷ K33+500 huyện Nông Cống đã được HĐND tỉnh quyết nghị chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021.

2.3. Về tổng mức đầu tư, nguồn vốn và cơ cấu vốn: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống đề xuất tổng mức đầu tư của dự án không quá 59 tỷ đồng (trong đó: vốn ngân sách tỉnh 27 tỷ đồng, vốn ngân sách của huyện Nông Cống và nguồn huy động hợp pháp khác 32 tỷ đồng) là phù hợp chủ trương đầu tư dự án được HĐND tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021.

2.4. Về thời gian thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống dự kiến hoàn thành dự án trong thời hạn 03 năm (2024-2026) là phù hợp với chủ trương đầu tư dự án được HĐND tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến thẩm định tại Công văn số 8490/STNMT-TCKH ngày 14/9/2023, cụ thể:

3.1. Về tính khả thi của Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Tại Tờ trình số 237/TTr-BQLDA ngày 05/9/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống và thuyết minh tổng mức đầu tư dự án nêu trên do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng lập năm 2023; theo đó tổng mức đầu tư là 59 tỷ đồng, trong đó chi phí bồi thường GPMB là 3,6 tỷ đồng.

- Cơ sở pháp lý lập khái toán kinh phí bồi thường GPMB do Đơn vị tư vấn lập đã bổ sung các căn cứ pháp lý hiện hành theo chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Đối với khoản hỗ trợ nộp tiền bảo vệ đất lúa: Do không có quy định, đề nghị không đưa vào phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

3.2. Về lĩnh vực môi trường:

- Phần căn cứ pháp lý: Bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bổ sung vị trí dự kiến đổ thải của Dự án (nêu rõ mục đích sử dụng đất, khoảng cách đến dự án, diện tích, sức chứa,... của bãi thải).

- Về nội dung bảo vệ môi trường: Bổ sung đánh giá các tác động về môi trường của dự án (do bụi, khí thải, tiếng ồn; chất thải rắn; chất thải nguy hại;

nước thải, các rủi ro, sự cố về môi trường,...) gây ra; đặc biệt, đánh giá tác động đến khu dân cư xung quanh, khu tập trung đông người; đánh giá tác động do quá trình vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, đồ thải,... đi qua nơi tập trung đông người, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và cuộc sống của người dân khu vực; đánh giá tác động đến chất lượng nước, dòng chảy, tiêu thoát nước của sông Hoàng và khu vực xung quanh; từ đó, bổ sung các biện pháp giảm thiểu tác động phù hợp; nội dung Báo cáo chính mới thể hiện được các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn.

- Về hồ sơ môi trường: Dự án có tổng diện tích sử dụng đất khoảng 17.586,7 m²; trong đó, diện tích đất trồng lúa (LUC) khoảng 4.239 m². Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020, phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án trên thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Sở Xây dựng: Tham gia ý kiến thẩm định tại Công văn số 6363/SXD-HĐXD ngày 19/9/2023, cụ thể:

1. Về sự phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan (nếu có):

- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về sự phù hợp của thiết kế cơ sở so với các quy hoạch xây dựng có liên quan vào thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thuyết minh thiết kế cơ sở.

- Ngày 17/7/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 - K33+500, huyện Nông Cống tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND. Theo đó Phần đê phải đảm bảo giao thông phục vụ sản xuất, chiều rộng mặt đê B=6m. Tuy nhiên, Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Giang và xã Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 (được phê duyệt sau đó, năm 2022) chưa cập nhật quy mô theo Nghị quyết của HĐND tỉnh nêu trên, cụ thể:

+ Theo Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 được Chủ tịch UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 thì về hệ thống thủy lợi được “Nâng cấp, gia cố tuyến đê hữu Sông Hoàng với chiều dài 4,15km, đạt tiêu chuẩn đê cấp IV”. Trong bản vẽ Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất thì tại mặt cắt ngang A-A (đê sông Hoàng Giang) kèm theo Quyết định số 923/QĐ-UBND thì định hướng quy hoạch là chiều rộng lòng đường (mặt đê) là 7,5m.

+ Theo Quy hoạch chung xây dựng xã Tế Nông, huyện Nông Cống được Chủ tịch UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 7973/QĐUBND ngày 18/4/2022, về công trình hạ tầng sản xuất thì: “Đường đê kết hợp đường giao thông: Đê sông Hoàng xây dựng hệ thống đê hữu sông Hoàng đoạn từ K33+500 đến K35+500 nâng cấp, tu bổ hệ thống đê hữu sông Hoàng tổng chiều dài 5,3km”

Trong bản vẽ Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường;

hạ tầng phục vụ sản xuất thì tại mặt cắt ngang 6-6 (đường đê) kèm theo Quyết định số 7973/QĐ-UBND thì định hướng quy hoạch là chiều rộng lòng đường (mặt đê) là 4,5m. Về nội dung này, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu UBND huyện Nông Cống làm rõ nội dung nêu trên. Thiết kế cơ sở của dự án phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Về kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư:

Về nội dung này Sở Xây dựng đã có ý kiến tại Công văn số 3657/SXD-HĐXD ngày 08/6/2023 về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống.

5. UBND huyện Nông Cống tham gia ý kiến thẩm định tại Công văn số 2500/UBND-NNPTNT ngày 13/9/2023, cụ thể:

5.1. Hiện trạng, sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan:

5.1.1. Tham gia ý kiến về hiện trạng, sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan:

- Tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 xã Hoàng Giang đi Tế Nông, hiện trạng đang là tuyến đê đất, mặt đê rộng (3,5÷4,0) m; hệ số mái đê phía sông $m = (1,5 ÷ 1,7)$, phía đồng $m = (1,5 ÷ 2,0)$; cao trình đỉnh đê còn thiếu so với quy hoạch (0,86÷0,9) m; chiều rộng mặt đê còn thiếu (1,0 ÷ 1,5) m;

- Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống được cải tạo, nâng cấp trên hiện trạng tuyến đê hiện có.

5.1.2. Sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan

- Về quy hoạch xây dựng: Cơ bản phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Cống đến năm 2045 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021;

- Về kế hoạch sử dụng đất: Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Nông Cống đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Nông Cống đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 14/7/2023.

5.2. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; tính khả thi của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

5.2.1. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực: Dự án đã thiết kế hoàn trả các cống, kênh tưới, tiêu hiện có bị ảnh hưởng, công trình có tính kết nối với nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.

5.2.2. Tính khả thi của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo hồ sơ thiết kế, công trình chủ yếu thu hồi đất nông nghiệp, đất giao thông và thủy

lợi hiện trạng, một phần diện tích đất vườn và công trình vật kiến trúc của các hộ dân, nên công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án không phức tạp và có tính khả thi cao.

5.3. Tổng mức đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn và tiến độ thực hiện của dự án

- Tổng mức đầu tư công trình dự kiến không quá 59 tỷ đồng; nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn phù hợp chủ trương đầu tư được HĐND tỉnh Quyết định tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021.

- Kế hoạch bố trí vốn và khả năng cân đối nguồn vốn của huyện Nông Cống đảm bảo theo kế hoạch vốn cho dự án (Công văn số 314/HĐND ngày 17/5/2021 của HĐND huyện về việc chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025; Công văn số 1111/UBND-TCKH ngày 19/5/2021 của UBND huyện về việc cam kết bố trí vốn đối ứng các dự án đầu tư công nguồn NSNN do tỉnh quản lý giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025).

5.4. Kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, hình thức thực hiện dự án

Theo báo cáo của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nông Cống tại Công văn số 225/BQLDA-KTTĐ ngày 08/9/2023 về việc báo cáo năng lực QLDA của Chủ đầu tư và giải pháp tổ chức thực hiện Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760÷K33+500 huyện Nông Cống.

- Ban QLDA đã được UBND tỉnh, huyện giao làm Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư nhiều dự án lớn trọng điểm, có ý nghĩa hết sức quan trọng, có quy mô từ nhóm B, nhóm C; cụ thể: Dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường tuyến đường tỉnh lộ 505, huyện Nông Cống; Dự án Kè chống sạt lở kết hợp đường giao thông đô thị bờ hữu sông Yên (K0+00÷K01+550) thuộc địa phận thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống; Dự án xây dựng cầu Ngọc Lẫm 2, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, các dự án được triển khai thực hiện tuân thủ quy trình, quy phạm và các quy định của Pháp luật, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, nhiều dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống đã được Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong lĩnh vực quản lý dự án và tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình các loại theo Quyết định số 4052/QĐ-SXD ngày 15/6/2021.

6. Chi cục Thủy lợi: Tham gia ý kiến thẩm định tại Công văn số 824/CCTL-QLĐĐ ngày 12/9/2023, cụ thể:

- Về hướng tuyến đê: Tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 có chiều dài khoảng 4,74 km thuộc các xã Hoàng Giang và Tế Nông,

huyện Nông Công được đầu tư tu bổ, nâng cấp trên cơ sở tuyến đê hiện trạng. Mặt cắt đê được đắp áp trực mở rộng (về phía sông hoặc phía đồng theo từng đoạn), đảm bảo chiều rộng mặt đê $B = 6,0$ m là phù hợp với Quy hoạch đê điều các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (hợp phần sông Yên, sông Bạng) được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 (Nghị quyết đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

- Về cao trình đỉnh đê: Đề nghị rà soát tính toán lựa chọn cao trình đỉnh đê thiết kế cho phù hợp với quy hoạch nêu trên.

7. Ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT:

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Sở, ngành và đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và PTN đã yêu cầu chủ đầu tư giải trình, bổ sung và hoàn thiện nội dung hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi. Chủ đầu tư đã có Công văn: số 225/BQLDA-KTTĐ ngày 08/9/2023, số 238/BQLDA-KTTĐ ngày 19/9/2023 về việc báo cáo giải trình ý kiến của các sở, ngành và các đơn vị có liên quan về nội dung hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760÷K33+500 huyện Nông Công; Sở Nông nghiệp và PTNT xét thấy nội dung giải trình, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ Báo cáo NCKT của chủ đầu tư tại công văn nêu trên là phù hợp.

(Ý kiến tham gia của các Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND huyện Nông Công, Chi cục Thủy lợi và Ban QLDA ĐTXD huyện Nông Công kèm theo).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở (TKCS); điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:

- Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập thiết kế xây dựng: Chủ đầu tư đã tuân thủ theo trình thực hiện công tác khảo sát, lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Điều 25 đến Điều 34, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được lập trên cơ sở tuân thủ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành.

- Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế; thẩm tra:

+ Tư vấn khảo sát; lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng đã được Chủ đầu tư đánh giá năng lực và lựa chọn thông qua quy trình chỉ định thầu rút gọn theo quy định.

+ Tư vấn thẩm tra: Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát đã được Chủ đầu tư lựa chọn thông qua quy trình chỉ định thầu rút gọn theo

quy định.

2. Sự phù hợp của TKCS với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận: Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án được lập phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 và phù hợp với quy hoạch vùng huyện Nông Cống đến năm 2045 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan: Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp chủ trương đầu tư đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17/7/2021.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị: Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống trên cơ sở tuyến đê hiện có khi đầu tư nâng cấp sẽ làm tăng khả năng kết nối với hệ thống đường giao thông trong khu vực và việc đầu tư cơ bản không ảnh hưởng nhiều đến các công trình hạ tầng hiện có.

5. Sự phù hợp của giải pháp TKCS về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường: Nội dung các báo cáo, các phụ lục tính toán trong hồ sơ thiết kế cho thấy giải pháp thiết kế cơ sở của dự án cơ bản đảm bảo ổn định trong các trường hợp kiểm tra; thuyết minh Báo cáo chính của dự án đã nêu cơ bản đầy đủ việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường; về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 22/5/2023.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: TKCS trong Báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam.

7. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định:

Đây là dự án nhóm C, công trình đê điều, cấp IV. Theo Phụ lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 - công trình trên thuộc danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; Vì vậy, theo quy định tại khoản 6 Điều 82 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện về

năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định.

Sau khi xem xét, Cơ quan thẩm định chấp thuận kết quả thẩm tra về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật theo Báo cáo thẩm tra của Công ty TNHH xây dựng đầu tư và phát triển Hùng Phát tại Công văn số 02/KQTT-HP ngày 31/8/2023 .

8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định TMĐT xây dựng:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định tổng mức đầu tư xây dựng: Đầy đủ, hợp lệ;

b) Sự phù hợp tổng mức đầu tư xây dựng với sơ bộ tổng mức đầu tư đã được duyệt; phương pháp xác định tổng mức đầu tư: Phù hợp;

c) Sự phù hợp của nội dung tổng mức đầu tư xây dựng quy định tại Điều 5 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 với các nội dung và yêu cầu của dự án: Cơ bản phù hợp với quy định và chính sách hiện hành;

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố: Cơ bản phù hợp theo quy định hiện hành; một số đơn giá và chi phí áp dụng chưa phù hợp, cơ quan thẩm định đã đề nghị đơn vị tư vấn chỉnh sửa cho phù hợp;

đ) Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng hoặc quy mô, năng lực phục vụ tính toán trong tổng mức đầu tư xây dựng so với thiết kế cơ sở của dự án: khối lượng xây dựng tính trong tổng mức đầu tư cơ bản phù hợp với khối lượng trong chiết tính tại các bản vẽ thiết kế cơ sở; một số khối lượng chưa phù hợp, cơ quan thẩm định đã đề nghị đơn vị tư vấn chỉnh sửa cho phù hợp.

e) Giá trị tổng mức đầu tư sau khi thẩm định là: 59.000.000.000 đồng (Năm mươi chín tỷ đồng).

Trong đó:

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị trình thẩm định	Giá trị thẩm định	Chênh lệch Tăng+, giảm-
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	3.600.000.000	3.184.000.000	-416.000.000
2	Chi phí xây dựng	44.569.552.000	42.569.538.000	-2.000.014.000
3	Chi phí thiết bị	160.692.000	160.761.000	+69.000
4	Chi phí QLDA	1.043.075.000	1.003.407.000	-39.668.000
5	Chi phí tư vấn ĐTXD	3.985.378.000	3.914.608.000	-70.770.000
6	Chi phí khác	1.258.698.000	1.231.930.000	-26.768.000
7	Chi phí dự phòng	4.382.604.000	6.935.756.000	+2.553.152.000
	Tổng cộng	59.000.000.000	59.000.000.000	0

(Có bảng tổng hợp tổng mức đầu tư kèm theo).

- Nguyên nhân tăng, giảm: Một số khối lượng, đơn giá, chi phí do đơn vị tư vấn thiết kế lập chưa phù hợp, cơ quan thẩm định đã đề nghị chỉnh sửa phù hợp với chế độ và quy định hiện hành.

- Đánh giá việc bảo đảm hiệu quả đầu tư của dự án theo giá trị tổng mức đầu tư xây dựng xác định sau thẩm định: Với quy mô, giải pháp kỹ thuật và tổng mức đầu tư xây dựng đã được xác định sau thẩm định sẽ bảo đảm hiệu quả đầu tư.

V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

- Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi: Các tài liệu khảo sát địa hình, địa chất; khí tượng, thủy văn phục vụ công tác lập thiết kế; các báo giá vật tư, vật liệu; cự ly, chủng loại ô tô vận chuyển; cấp, loại đường vận chuyển đất, phế thải ra bãi thải của các hạng mục công trình; đối với công tác vận chuyển đất, đá, cát cự ly vận chuyển từ nơi cung cấp vật liệu đến hiện trường xây lắp lựa chọn cung đường, loại đường và tải trọng xe vận chuyển phù hợp đảm bảo tối ưu nhất, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

- Chủ đầu tư nộp 01 bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được chỉnh sửa, đóng dấu thẩm định và 01 bộ hồ sơ bản in về Sở Nông nghiệp và PTNT để lưu trữ và quản lý theo quy định; nộp phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi là 2.146.000 đồng.

- Yêu cầu đối với chủ đầu tư trong giai đoạn lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

+ Bổ sung đầy đủ tài liệu khảo sát địa hình, địa chất phục vụ bước lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định (bao gồm cả việc xác định vị trí, tọa độ, diện tích, dung lượng trữ thải của các bãi đổ thải, cự ly vận chuyển, cung đường, cấp đường vận chuyển đất đắp, đất thải); rà soát, thực hiện đầy đủ các tính toán ổn định, kết cấu chi tiết các bộ phận, hạng mục công trình theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, đảm bảo kỹ thuật, kinh tế; đồng thời tiếp tục rà soát, bổ sung các mỏ đất được UBND tỉnh cấp phép đang khai thác hợp pháp trên địa bàn để phục vụ dự án đảm bảo trữ lượng, chất lượng và tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư theo đúng ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2607/UBND-NN ngày 03/3/2023;

+ Dự án đường từ núi Văn Trinh (ĐT504) đến đường Thọ Xuân - Nghi Sơn (ĐT506) do Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương làm chủ đầu tư đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 01/8/2023; trong đó, tuyến đường có giao cắt với tuyến đê hữu sông Hoàng thuộc phạm vi dự án. Vì vậy, trong giai đoạn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương để thống nhất về quy mô, phạm vi và giải pháp kỹ thuật tại vị trí giao cắt nêu trên đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật chuyên ngành và các quy định hiện hành;

- Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn K28+760 ÷ K33+500 huyện Nông Cống với các nội dung nêu trên. Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nông Cống nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoài Nam